

# 福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

|                 |                              |              |                                                                                     |       |
|-----------------|------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 款式:<br>G16-261P | 款式說 LADIES PANTS<br>订单 1.178 | 制表人 THAO     | 日期: 2016/11/01                                                                      | 文件編號: |
| 參考雷同款:          |                              |              |  |       |
| 生產車縫時間 1607     | 特車組 0                        | 總時間:1607     |                                                                                     |       |
| 生產出數:17.92      | 特車組出 0                       | IE 總出數:17.92 |                                                                                     |       |

PPIC 主管: ..

|            |       |   |     |       |   |
|------------|-------|---|-----|-------|---|
| 茲核定IE出數如下: |       |   |     |       |   |
| 衣車縫        | 17.87 | 件 | 掛車縫 | _____ | 件 |
| 身整件        | _____ | 件 | 裡整件 | _____ | 件 |
| 全車縫        | _____ | 件 | 核   | _____ | 件 |
| 件整件        | _____ | 件 | 簽   | _____ | 件 |

11/1/2016

FLOW CHART OF G16-261P

RIB W.BAND\*1



- 18" 28. MARK+ CUT RIB\*1
- 26" 29. TACK CENTER RIB BAND
- 14" 30. PRESS SEAM OPEN
- 7" 31. PRESS ESLACTIC BAND
- 10" 32. MARK+ CUT ESLASTIC \*1
- 18" 33. CLOSE ESLASTIC\*1
- 45" 34. TACK ESLASTIC TO RIB
- 36" 35. 1/4 TOPSTITCH RIB BAND
- 22" 36. CLOSE RIB W.BAND OPEN

FRONT

- 35" 1. MARK FRONT+ PKT POSITION\*2
- 14" 2. SERGE FRONT 1EDGE82(UPPER)
- 20" 3. TOPSTITCH FRONT\*2 UPPER(ATPKT)
- 24" 4. MARK SEAM FACING
- 30" 5. TACK PUCKERING SEAM FACING(AT UNDER)
- 14" 6. SERGE SEAM FACING 1EDGE\*2(UPPER)(AT PKT)
- 28" 7. FUSE MEX TO SEAM FACING OPEN\*2+FRONT PKT\*2
- 24" 8. SERGE AROUND FRONT PKT BAG\*2
- 8" 9. CLOSE OVER LOCK BAG\*2
- 24" 10. JOIN SEAM FACING TO FRONT 1EDGE
- 30" 11. CLOSE 2EDGE ZIPPER
- 58" 12. SET ZIPPER, MARK, NOTCH\*2
- 32" 13. JOIN BAG\*2
- 22" 14. MARK ATTACK TOPSTITCH BAG POSITION\*2
- 48" 15. ATTACH TOPSTITCH BAG\*2
- 20" 16. TACK PKT AT W.BAND
- 46" 17. SEFETY SEAM FACING TO FRONT\*2
- 52" 18. TOPSTITCH F. PANEL SEAM\*2(COVER STITCH)

BACK BODY\*2

- 35" 19. MARK BACK\*2
- 16" 20. MARK BACK FACING YOKE\*2
- 28" 21. JOIN FACING YOKE TO BACK(SEFETY
- 32" 22. TOPSTITCH FACING YOKE TO BACK\*2 (COVER STITCH)

BTM FACING\*2



- 20" 41. MARK BTM FACING\*2
- 32" 42. TACK BTM FACING\*2
- 30" 43. PRESS BTM FACING+CREASE\*2
- 24" 44. TACK BTM FACING OPEN\*2

- 53" 23. SEFETY OUTSEAM
- 58" 24. TOPSTITCH OUTSEAM(COVER STITCH MACHINE)
- 40" 25. SEFETY INSEAM
- 36" 26. SEFETY FRONT+BACK RISE
- 48" 27. TOPSTITCH FRONT+BACK RISE(COVER STITCH)
- 85" 37. SET W.BAND, MARK(CHAIN STITCH)
- 36" 38. SERGE UNDER W.BAND
- 30" 39. TACK LBL AT W.BAND\*2
- 58" 40. 1/4 TOPSTITCH UNDER W.BAND(CHAIN STITCH)

- 50" 45. SET BTM TO BODY\*2
- 32" 46. SEFETY BTM FACING\*2
- 40" 47. TOPSTITCH FACING BTM\*2(COVER STITCH)
- 24" 48. SEW LBL AT SIZE TO LBL AT MAIN+TACK LBL AT OUTSEAM
- 75" 49. TRIM THREAD



POSITION TIME TABLE

| POSITION     | GENERAL | SPECIAL            |
|--------------|---------|--------------------|
| SINGLE       | 410     |                    |
| COVER STITCH | 298     |                    |
| CHAIN STITCH | 242     |                    |
| SPECIAL      | 323     | 0                  |
| PRESS        | 79      |                    |
| HAND         | 254.84  | 0                  |
| AMOUNT       | 1607    | 0                  |
| OUTPUT PCS   | 17.92   | 0                  |
| TOTAL TIME   | 1607    | TOTAL OUTPUT 17.92 |



**FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD**  
**SEWING OPERATION LIST**

STYLE NO: G16-261P  
DATE: 2016/11/01

TAIPEI IE OUTPUT:  
VN IE OUTPUT: 17.92

| OP NO<br>Mã | Operation Tên công đoạn                             |                                        | Grade<br>Cấp | 合縫記號 | 使用機器         | time<br>Thời gian | price<br>Đơn | out put<br>Sàn<br>lượng | 使用配<br>件及其他 |
|-------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|------|--------------|-------------------|--------------|-------------------------|-------------|
| 01          | Mark front*2+ pkt posititon*2                       | SD TT*2+vị trí túi*2                   | C            |      | HAND         | 35                | 260          | 823                     |             |
| 02          | Serge front 1 edge*2(upper)                         | VS 3C TT 1 đoạn*2                      | B            |      | SW           | 14                | 112          | 2057                    |             |
| 03          | Topstitch front*2 upper(at pkt)                     | Điều trần đề TT 1 đoạn trên            | B            |      | COVER STITCH | 20                | 159          | 1440                    |             |
| 04          | Mark seam facing*2                                  | SD đáp sườn*2                          | C            |      | HAND         | 24                | 178          | 1200                    |             |
| 05          | Tack puckering seam facing*2(at under)              | Ghim dúm đáp sườn 2ben*2(ở dưới)       | B            |      | SINGLE       | 30                | 239          | 960                     |             |
| 06          | Serge seam facing 1edge*2( upper)(at pkt)           | VS 3C đáp sườn 1 đoạn*2(bên có túi)    | B            |      | SW           | 14                | 112          | 2057                    |             |
| 07          | Fuse mex to seam facing open*2+ front pkt*2         | Là mex vào miệng đáp sườn*2+miệng TT*2 | B            |      | PRESS        | 28                | 223          | 1029                    |             |
| 08          | Serge around front pkt bag*2                        | VS 3C xung quanh lót túi trước*2       | B            |      | SW           | 24                | 191          | 1200                    |             |
| 09          | Close overlock bag*2                                | Chặn đầu vs lót túi trước*2            | B            |      | SINGLE       | 8                 | 64           | 3600                    |             |
| 10          | Join seam facing to front 1 edge                    | Cán chập đáp sườn vào TT 1 đoạn        | B            |      | SINGLE       | 24                | 191          | 1200                    |             |
| 11          | Close 2 edge zipper                                 | Chặn khóa 2 đầu                        | B            |      | SINGLE       | 30                | 239          | 960                     |             |
| 12          | Set zipper,mark,notch*2                             | Tra khóa,sd,bấm*2                      | A            |      | SINGLE       | 58                | 485          | 497                     |             |
| 13          | Join bag*2                                          | Kê lót túi*2                           | B            |      | SINGLE       | 32                | 255          | 900                     |             |
| 14          | Mark attack topstitch bag position*2                | SD+điều trang trí túi*2                | C            |      | HAND         | 22                | 163          | 1309                    |             |
| 15          | Attack topstitch bag*2                              | Điều ợp lót túi trước*2                | B            |      | COVER STITCH | 48                | 383          | 600                     |             |
| 16          | Tack pkt at w.band*2                                | Ghim lót túi trên cạp*2                | B            |      | SINGLE       | 20                | 159          | 1440                    |             |
| 17          | Safety seam facing to front*2                       | VS 5C đáp sườn vào TT*2                | B            |      | SW           | 46                | 367          | 626                     |             |
| 18          | Topstitch F.panel seam *2(cover stitch machine)     | Điều trần đề sườn TT*2                 | B            |      | COVER STITCH | 52                | 414          | 554                     |             |
| 19          | Safety out seam                                     | VS 5C dọc quần                         | B            |      | SW           | 53                | 422          | 543                     |             |
| 20          | Topstitch out seam(cover stitch machine)            | Điều trần đề dọc quần                  | B            |      | COVER STITCH | 58                | 462          | 497                     |             |
| 21          | Safety inseam                                       | VS 5C giằng quần                       | B            |      | SW           | 40                | 319          | 720                     |             |
| 22          | Safety front+back rise                              | VS 5C đứng TT+TS                       | B            |      | SW           | 36                | 287          | 800                     |             |
| 23          | Topstitch front+back rise(cover stitch machine)     | Điều trần đề đứng TT+TS                | B            |      | COVER STITCH | 48                | 383          | 600                     |             |
| 24          | Set w.band,mark                                     | Tra cạp,sd                             | A            |      | CHAIN STITCH | 85                | 711          | 339                     |             |
| 25          | Serge under w.band                                  | VS 3C chân cạp                         | B            |      | SW           | 36                | 287          | 800                     |             |
| 26          | Tack lbl at w.band*2                                | Ghim mác cạp*2                         | B            |      | SINGLE       | 30                | 239          | 960                     |             |
| 27          | 1/4 topstich under w.band                           | Điều vòng cạp dưới 1/4                 | B            |      | CHAIN STITCH | 58                | 462          | 497                     |             |
| 28          | Set btm to body*2                                   | Tra đáp gấu vào thân(1kim)             | A            |      | SINGLE       | 50                | 419          | 576                     |             |
| 29          | Safety btm facing                                   | VS 5C đáp gấu                          | B            |      | SW           | 32                | 255          | 900                     |             |
| 30          | Topstitch facing btm*2(cover stitch machine)        | Điều trần đáp gấu*2(may trần đề)       | B            |      | COVER STITCH | 40                | 319          | 720                     |             |
| 31          | Sew lbl at size to lbl at main+tack lbl at out seam | Ghim mác size vào mác ID+ghim mác sườn | B            |      | SINGLE       | 24                | 191          | 1200                    |             |
| XZ          | Trim thread                                         | Cắt chỉ                                | C            |      | HAND         | 75                | 557          | 384                     |             |
|             | <b>Back body*2</b>                                  | <b>Thân sau*2</b>                      |              |      |              |                   | FALSE        | #DIV/0!                 |             |
| A01         | Mark back*2                                         | SD TS*2                                | C            |      | HAND         | 35                | 260          | 823                     |             |
| A02         | Mark back facing yoke *2                            | SD đáp cầu mông TS*2                   | C            |      | HAND         | 16                | 118          | 1818                    |             |
| A03         | Join facing yoke to back(Safety)                    | Cán chập đáp cầu mông TS(VS 5C)        | B            |      | SW           | 28                | 223          | 1029                    |             |
| A04         | Topstitch facing yoke to back*2(cover stitch)       | Điều trần đề đáp cầu mông*2            | B            |      | COVER STITCH | 32                | 255          | 900                     |             |
|             | <b>Rib w.band*1</b>                                 | <b>Cạp bo*1</b>                        |              |      |              |                   | FALSE        | #DIV/0!                 |             |
| C01         | Mark rib*1                                          | SD bo cạp*1                            | C            |      | HAND         | 18                | 134          | 1600                    |             |
| C02         | Tack center rib band*2                              | Cán giữa bo cạp*2                      | B            |      | SINGLE       | 26                | 207          | 1108                    |             |
| C03         | Press center rib band*2                             | Là rẽ can bo cạp*2                     | B            |      | PRESS        | 14                | 112          | 2057                    |             |

**FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD**  
**SEWING OPERATION LIST**

STYLE NO: G16-261P  
DATE: 2016/11/01

TAIPEI IE OUTPUT:  
VN IE OUTPUT: 17.92

| # OP NO Mã   | Operation Tên công đoạn   |                           | Grade Cấp | 合縫記號 | 使用機器         | time Thời gian | price Đơn    | out put Sản lượng | 使用配件及其他 |
|--------------|---------------------------|---------------------------|-----------|------|--------------|----------------|--------------|-------------------|---------|
| C04          | Press elastic band        | Là chun cạp 1 đường       | B         |      | PRESS        | 7              | 56           | 4114              |         |
| C05          | Mark+cut elastic*1        | SD+ cắt chun bản cạp*1    | C         |      | HAND         | 10             | 74           | 2880              |         |
| C06          | Close elastic*1           | Chặn miệng chun cạp 2 lần | B         |      | CHAIN STITCH | 18             | 143          | 1600              |         |
| C07          | Tack elastic to rib       | Ghim chun vào bản cạp bo  | B         |      | CHAIN STITCH | 45             | 359          | 640               |         |
| C08          | 1/4topstitch rib band     | Điều bản cạp bo 1/4       | B         |      | CHAIN STITCH | 36             | 287          | 800               |         |
| C09          | Ghim miệng bo cạp         | Ghim miệng bo cạp         | B         |      | SINGLE       | 22             | 175          | 1309              |         |
|              | <i>Facing btm*2</i>       | <i>Đáp gấu*2</i>          |           |      |              |                | FALSE        | #DIV/0!           |         |
| D01          | Mark btm facing *2        | Sd bo gấu*2               | C         |      | HAND         | 20             | 148          | 1440              |         |
| D02          | Tack btm facing*2         | Cán bo gấu*2              | B         |      | SINGLE       | 32             | 255          | 900               |         |
| D03          | Press btm facing+crease*2 | Là rẽ bo gấu+gấp gấu*2    | B         |      | PRESS        | 30             | 239          | 960               |         |
| D04          | Tack btm facing open*2    | Ghim miệng đáp gấu        | B         |      | SINGLE       | 24             | 191          | 1200              |         |
| <b>TOTAL</b> |                           |                           |           |      |              | <b>1607</b>    | <b>12744</b> | <b>17.92</b>      |         |



| Position     | GENERAL | SPECIAL |           |  |       |
|--------------|---------|---------|-----------|--|-------|
| Single       | 410     |         |           |  |       |
| Cover stitch | 298     |         |           |  |       |
| Chain stitch | 242     |         |           |  |       |
| Special      | 323     | 0       |           |  |       |
| Press        | 79      |         |           |  |       |
| Hand         | 254.84  | 0       |           |  |       |
| Amount       | 1607    | 0       |           |  |       |
| Output (pcs) | 17.92   | #DIV/0! |           |  |       |
| Total time   | 1607    |         | Total out |  | 17.92 |

製表人: THAO

製造單號: G16-261P

車縫出數及使用機器預估表 訂單數量 1178

客戶 : CHICOS

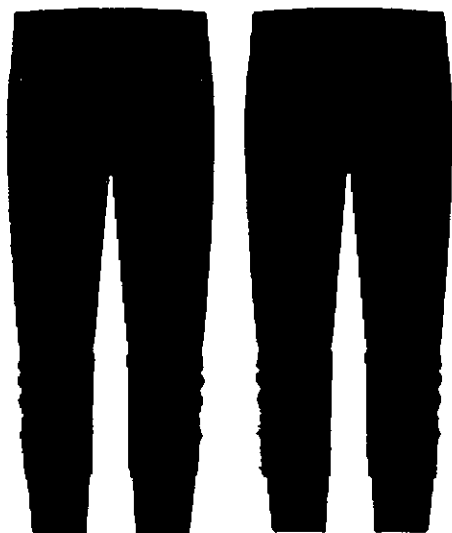
各線均量

| 部門別    |                      | 工時 / 秒 |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 備註    |
|--------|----------------------|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-------|
|        |                      | 平車     | 模板車 | 雙針車 | 3本車 | 拚縫車 | 拷邊車 | 開袋機 | 打結車 | 燙工  | 手工  |       |
| 前片*2   | 劃號.袋口拷3線             |        |     |     |     |     | 14  |     |     |     | 30  |       |
| 脇邊片*2  | 劃號.拷3線.縮碎褶           | 70     |     |     |     |     | 12  |     |     |     | 28  |       |
|        | 接脇邊片.車3本飾線           | 94     |     |     | 76  |     | 28  |     |     |     |     |       |
| 袋布*2   | 拷3線                  |        |     |     |     |     | 19  |     |     |     |     |       |
|        | 開拉鍊袋.口袋車3本飾線         | 138    |     |     | 85  |     |     |     |     |     |     |       |
|        |                      |        |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
| 後片*2   | 劃號                   |        |     |     |     |     |     |     |     |     | 30  |       |
| YOKE*2 | 劃號.接YOKE拷合.車3本飾線     |        |     |     | 37  |     | 29  |     |     |     | 15  |       |
|        | 接脇邊片(外浪)暗線.拷3線.車3本飾線 | 85     |     |     | 78  |     | 33  |     |     |     |     |       |
|        | 內浪5線拷合.車3本飾線         |        |     |     | 65  |     | 40  |     |     |     |     |       |
|        | 前後浪5線拷合.車3本飾線        |        |     |     | 42  |     | 45  |     |     |     |     |       |
|        |                      |        |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
| 羅紋褲腰*1 | 劃號.接縫*1.開股           | 15     |     |     |     |     |     |     |     | 6   | 18  |       |
|        | 固定橡筋含剪.車橡筋.對折車封口     | 118    |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
|        | 上褲腰拷合                |        |     |     |     |     | 59  |     |     |     |     |       |
|        | 車商標                  | 36     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
|        | 褲腰明線一道               | 65     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
| 羅紋下襠*2 | 劃號.接縫*2.開股.對折車合口     | 80     |     |     |     |     |     |     |     | 15  | 16  |       |
|        | 固定橡筋含剪.車橡筋.對折車封口     | 128    |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
|        | 上下襠拷合                |        |     |     |     |     | 63  |     |     |     |     |       |
|        | 下襠壓3本飾線              |        |     |     | 65  |     |     |     |     |     |     |       |
|        | 修線                   |        |     |     |     |     |     |     |     |     | 78  |       |
|        |                      |        |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
|        |                      |        |     |     |     |     |     |     |     |     |     |       |
|        | 合計全件車縫工時             | 829    | 0   | 0   | 448 | 0   | 341 | 0   | 0   | 21  | 215 | 1853  |
|        | 以一條線38人計,預估車台數量      | 17.0   | 0.0 | 0.0 | 9.2 | 0.0 | 7.0 | 0.0 | 0.0 | 0.4 | 4.4 | 38.0  |
|        | 全件車縫出數/ 件            |        |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 17.87 |

專特車工時：

車縫工時(不含專特車)： 1853

車縫出數(不含專特車)： 17.87



製表:王愛卿 2016/11/2